

ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG BVBank

(Áp dụng đối với Thẻ tín dụng quốc tế được phát hành bằng phương tiện điện tử qua nền tảng đối tác liên kết)

Có hiệu lực từ 04/11/2025

Điều 1. NGUYÊN TẮC CHUNG

Bản điều khoản điều kiện này cùng với “**Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng, mở và sử dụng Tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử**” tạo thành một Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng giữa BVBank và Chủ thẻ (sau đây gọi tắt là “**Hợp Đồng**”).

Bằng việc nhấp chọn đồng ý tại màn hình đăng ký sản phẩm dịch vụ, xác nhận bằng OTP/hình thức xác nhận khác do BVBank triển khai trong từng thời kỳ, Chủ Thẻ xác nhận đã được BVBank cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ trước khi giao kết Hợp Đồng với BVBank và chấp nhận tuân thủ: (i) các quy định, thông tin về sản phẩm, dịch vụ; (ii) nội dung Hợp Đồng, Bản Điều khoản Điều kiện này, các điều khoản và điều kiện về đăng ký và sử dụng dịch vụ tại BVBank được niêm yết trên website <https://bvbanks.net.vn>.

Điều 2. GIẢI THÍCH TỪ NGŨ

- Ngân hàng:** là Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (sau đây gọi tắt là BVBank).
- Đối tác/Đối tác liên kết:** là đối tác có ký Hợp đồng/Thỏa thuận hợp tác với BVBank triển khai giới thiệu, triển khai nền tảng và cung cấp sản phẩm dịch vụ BVBank đến khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn Công ty cổ phần dịch vụ Di động trực tuyến (M_Service) và các đối tác khác triển khai trong từng thời kỳ (sau đây gọi tắt là Đối tác liên kết).
- Kênh đối tác:** là các nền tảng số như ứng dụng/kênh giao dịch bằng phương tiện điện tử do Đối tác phát triển và/hoặc vận hành, cho phép Khách hàng thực hiện đăng ký và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của BVBank trong phạm vi hợp đồng hợp tác với BVBank từ ứng dụng/kênh giao dịch bằng phương tiện điện tử.
- Tài khoản Thẻ:** Là tài khoản thẻ tín dụng của Chủ thẻ do BVBank mở và quản lý việc sử dụng hạn mức tín dụng được cấp theo Hợp đồng này.
- Thẻ tín dụng (Thẻ):** là sản phẩm thẻ tín dụng mà BVBank phát hành cho Chủ thẻ theo Hợp đồng này, cho phép Chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi sử dụng và hạn mức tín dụng được cấp.
- Thẻ vật lý:** là thẻ có hình thức hiện hữu vật chất, thông thường được làm bằng chất liệu nhựa hoặc chất liệu khác, có gắn chip điện tử để lưu giữ dữ liệu thẻ, có thông tin in trên thẻ theo quy định của Ngân hàng nhà nước từng thời kỳ.
- Thẻ phi vật lý:** Thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và hiển thị các thông tin Thẻ theo quy định của Ngân hàng nhà nước từng thời kỳ. Thẻ phi vật lý có thể được in ra thẻ vật lý theo thỏa thuận giữa tổ chức phát hành thẻ và chủ thẻ.
- Chủ thẻ:** là cá nhân đứng tên trên Hợp đồng, được BVBank phê duyệt cấp Thẻ để sử dụng và thực hiện giao dịch thẻ theo thỏa thuận giữa BVBank và Chủ thẻ, bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ.
- Chủ Thẻ Chính:** cá nhân đứng tên giao kết Hợp Đồng với BVBank, được BVBank chấp thuận phát hành Thẻ và chịu trách nhiệm đối với mọi Giao dịch Thẻ, phí và lệ phí liên quan đến Thẻ (gồm việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ Phụ).
- Chủ Thẻ Phụ:** cá nhân được Chủ Thẻ Chính cho phép sử dụng Thẻ và cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ nghĩa vụ liên quan việc sử dụng Thẻ theo Hợp Đồng.
- Tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT):** là tổ chức được thành lập, hoạt động ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với các BVBank và các bên liên quan khác để hợp tác phát hành và thanh toán thẻ có mã tổ chức phát hành thẻ do Tổ chức Thẻ quốc tế cấp phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.
- Tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT):** là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện thanh toán thẻ.
- Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT):** là đơn vị chấp nhận thanh toán chấp nhận thanh toán hàng hoá, dịch vụ bằng thẻ.

14. **Mã tổ chức phát hành thẻ** (Bank Identification Number - viết tắt là BIN): là một dãy chữ số, bao gồm các loại BIN sau: BIN xác định TCPHT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) tại Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng; BIN do TCTQT cấp; và BIN của quốc gia khác. Trường hợp thẻ có BIN do TCTQT cấp hoặc thẻ có BIN của quốc gia khác, việc cấp, sử dụng và quản lý BIN được thực hiện theo quy định của TCTQT hoặc quốc gia cấp BIN đó.
15. **Giao dịch thẻ**: là việc sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán, rút tiền mặt và các dịch vụ khác do BVBank, Tổ chức thanh toán thẻ cung ứng theo quy định của pháp luật.
16. **Hóa đơn giao dịch (HĐGD)**: là chứng từ xác nhận các giao dịch thẻ (thẻ chính, thẻ phụ) do Chủ thẻ thực hiện tại Đơn vị chấp nhận Thẻ.
17. **Giao dịch thanh toán**: là việc sử dụng Thẻ để thanh toán tiền mua hàng hóa và/hoặc sử dụng dịch vụ trực tiếp tại các ĐVCNT hoặc thông qua trên môi trường internet (bao gồm chương trình/ứng dụng trên thiết bị di động).
18. **Giao dịch rút tiền mặt**: là các giao dịch rút tiền mặt từ ATM, Ngân hàng hoặc các giao dịch tương đương tiền mặt bao gồm các giao dịch có thể quy đổi trực tiếp thành tiền, giao dịch mua ngoại tệ, giao dịch chuyển tiền tại ATM và qua Internet, giao dịch liên quan đến các trò chơi có thưởng.
19. **ATM**: Máy giao dịch tự động (Automated Teller Machine - viết tắt là ATM), là thiết bị mà Chủ thẻ có thể sử dụng để gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, tra cứu thông tin giao dịch thẻ hoặc sử dụng các dịch vụ khác.
20. **PIN**: Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number - viết tắt là PIN), là mã số mật được BVBank cấp cho Chủ thẻ hoặc do Chủ thẻ tạo lập theo quy trình được BVBank quy định để sử dụng trong các giao dịch thẻ.
21. **Mã OTP (One Time Password)**: là hình thức xác nhận bằng mã khóa bí mật trong đó mã khóa bí mật có giá trị sử dụng một lần và có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định, dùng để xác thực/xác nhận giao dịch do chính Chủ Thẻ thực hiện. OTP được BVBank gửi cho chủ thẻ qua SMS, ứng dụng Ngân hàng điện tử hoặc một phương thức/ thiết bị xác thực khác do BVBank triển khai và công bố trong từng thời kỳ.
22. **Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán** (sau đây gọi tắt là “POS”): bao gồm POS (Point of sale), mPOS (Mobile Point of Sale) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác: là các thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà Chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
23. **Bảng sao kê**: là chứng từ do BVBank lập định kỳ hàng tháng liệt kê tất cả các khoản phát sinh trên tài khoản thẻ (bao gồm các giao dịch thẻ, tiền lãi, phí, sự điều chỉnh nếu có phát sinh trong kỳ sao kê) và Dư nợ cuối kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu, ngày đến hạn thanh toán.
24. **Kỳ sao kê**: là khoảng thời gian giữa hai lần phát hành Bảng sao kê liên tiếp, được tính từ ngày sau Ngày sao kê của kỳ liền trước đến hết ngày sao kê của kỳ hiện tại.
25. **Ngày sao kê**: là ngày BVBank lập Bảng sao kê.
26. **Dư nợ cuối kỳ (Dư Nợ thẻ)**: là tổng số tiền Chủ thẻ phải thanh toán cho BVBank bao gồm các giao dịch đã ghi nhận vào tài khoản thẻ, phí, tiền lãi và các khoản phải trả khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Thẻ chưa được Chủ thẻ thanh toán cho BVBank và được chỉ định trong Bảng sao kê.
27. **Số tiền thanh toán tối thiểu** (sau đây gọi tắt là “**Khoản thanh toán tối thiểu**”): là số tiền tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho BVBank vào hoặc trước Ngày đến hạn trong mỗi Kỳ sao kê, bao gồm Định mức thanh toán tối thiểu cộng với khoản vượt hạn mức tín dụng, khoản tiền của giao dịch trả góp hàng tháng.
28. **Định mức thanh toán tối thiểu**: là phần trăm trên tổng dư nợ của Tài khoản thẻ hoặc một số tiền cố định dùng để quy ra số tiền tối thiểu cần phải thanh toán. Chủ thẻ có thể đăng ký Định mức thanh toán tối thiểu theo công bố của BVBank trong từng thời kỳ.
29. **Ngày đến hạn**: là ngày cuối cùng mà Chủ thẻ phải thanh toán toàn bộ Dư nợ cuối kỳ hoặc Số tiền thanh toán tối thiểu được ghi trên Bảng sao kê hàng tháng.
30. **Ngày làm việc**: có nghĩa là ngày làm việc thực tế của BVBank (không bao gồm ngày thứ 7, chủ nhật, các ngày lễ, Tết).
31. **Hạn mức tín dụng**: là số tiền tối đa được BVBank cấp cho Chủ thẻ để sử dụng trên thẻ tín dụng trong một thời hạn nhất định thông qua việc phát hành thẻ.
32. **Hạn mức thẻ**: là hạn mức của từng Thẻ trong phạm vi Hạn mức tín dụng đã được cấp. Chủ thẻ có thể yêu cầu BVBank phát hành một hoặc nhiều Thẻ theo quy định của BVBank từng thời kỳ trong đó hạn mức từng Thẻ tối đa

lên đến bằng Hạn mức tín dụng cấp cho Chủ thẻ, nhưng tổng số tiền chủ thẻ được BVBank cấp để sử dụng trên tất cả các thẻ không được vượt quá Hạn mức tín dụng cấp.

33. **Hạn mức sử dụng thẻ:** là hạn mức thanh toán, rút tiền mặt và các hạn mức giao dịch khác trong việc sử dụng Thẻ.
34. **Hạn mức rút tiền mặt:** là hạn mức tối đa mà Chủ thẻ có thể rút tiền mặt bằng thẻ tín dụng trong phạm vi Hạn mức tín dụng đã được cấp và theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ.
35. **Ứng dụng Ngân hàng điện tử** (Ứng dụng NHĐT): là kênh giao dịch do BVBank cung cấp cho khách hàng để đăng ký và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của BVBank theo phương tiện điện tử.
36. **Mã CVV/CVC...** (Card Verification Value/Card Verification Code...): là mã xác thực gồm 3 chữ số trên thẻ, thường được in bên phải phần chữ ký chủ thẻ.
37. **Chứng từ điện tử:** là các dữ liệu, thông điệp điện tử, log, tin nhắn, ghi âm,... được tạo lập và lưu tại hệ thống của BVBank/Đối tác liên kết thể hiện giao dịch, yêu cầu dịch vụ thẻ của Chủ thẻ đã được Chủ thẻ xác thực đăng ký, thực hiện giao dịch thành công theo quy định của BVBank. Chứng từ điện tử bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng, thỏa thuận, các điều khoản và điều kiện, đề nghị, chỉ thị và các thông điệp dữ liệu khác liên quan tới việc giao kết hay thực hiện các giao dịch giữa Ngân hàng và Chủ thẻ.
38. **Chữ ký điện tử:** là chữ ký được tạo lập dưới dạng dữ liệu điện tử gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu để xác nhận Chủ Thẻ ký và khẳng định sự chấp thuận của Chủ Thẻ đối với thông điệp dữ liệu.
39. **Chữ ký số:** là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số. Chữ ký số bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ nhưng không bảo đảm tính bí mật của thông điệp dữ liệu.
40. **Các hình thức xác nhận giao dịch:** bao gồm nhưng không giới hạn mã OTP, mã PIN (Personal Identification Number), xác nhận hai kênh, xác nhận khớp đúng thông tin sinh trắc học, chữ ký điện tử, hình thức xác nhận EMV 3DS hoặc các hình thức khác được BVBank triển khai từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật.
41. **Hình thức xác nhận EMV 3DS:** là hình thức xác nhận trên cơ sở đánh giá rủi ro đối với giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến theo tiêu chuẩn EMV 3-D Secure. Hình thức xác nhận EMV 3DS phải đáp ứng yêu cầu là Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ và Đơn vị chấp nhận thẻ phải triển khai tiêu chuẩn EMV 3-D Secure.
42. **Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:** là cơ sở dữ liệu dùng chung, tập hợp thông tin của công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
43. **FATCA:** Là tên viết tắt của Đạo luật Tuân thủ Thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ (Foreign Account Tax Compliance Act) do Bộ Tài Chính Hoa Kỳ và IRS ban hành.
44. **Chủ sở hữu hưởng lợi**
- Là Cá nhân sở hữu thực tế một tài khoản hoặc chi phối hoạt động của tài khoản đó, cá nhân thiết lập mối quan hệ với BVBank và thực tế chi phối mối quan hệ đó;
 - Cá nhân có quyền chi phối tổ chức:
 - i. Là Cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức đó hoặc cá nhân cuối cùng có quyền chi phối tổ chức đó; hoặc
 - ii. Là Cá nhân là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức; hoặc
 - iii. Là Cá nhân là người được công bố chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức trong trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài.
 - Cá nhân có quyền chi phối một thỏa thuận pháp lý: Là Bên ủy thác, Bên nhân ủy thác; người thụ hưởng, các bên có liên quan (nếu có), cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác.

Điều 3. ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG THẺ

1. Đối tượng khách hàng

- a) Chủ thẻ là cá nhân quốc tịch Việt Nam, cư trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật và đảm bảo đủ điều kiện phát hành thẻ tín dụng bằng phương tiện điện tử theo quy định của BVBank từng thời kỳ.

- b) Không áp dụng đối với các khách hàng: (i) Thuộc đối tượng có một trong các dấu hiệu Hoa Kỳ theo quy định đạo luật FATCA nhưng chưa khai báo thông tin với BVBank; (ii) Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; (iii) Có cơ chế giám hộ; hoặc (iv) Có cơ chế chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định tại khoản 44 Điều 2 Bản Điều khoản điều kiện này.

2. Hình thức đăng ký

- a) Chủ thẻ thực hiện đăng ký phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử qua (các) Kênh Đối tác liên kết, ứng dụng NHĐT BVBank và các kênh đăng ký phát hành thẻ bằng phương tiện điện tử khác được BVBank triển khai từng thời kỳ.
- b) Căn cứ đề nghị của Chủ thẻ, BVBank sẽ thực hiện phê duyệt cấp Thẻ cho Chủ thẻ theo quy định của BVBank. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng phát hành thẻ là sau khi BVBank thông báo hạn mức tín dụng thẻ kèm Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cho Chủ thẻ qua email, ứng dụng Đối tác liên kết, ứng dụng NHĐT BVBank hoặc các hình thức thông báo khác được BVBank triển khai từng thời kỳ. Trong suốt thời hạn sử dụng Thẻ, BVBank có quyền đánh giá và thực hiện thay đổi (tăng/giảm) Hạn mức tín dụng đã cấp cho Chủ thẻ theo quy định của BVBank từng thời kỳ và sẽ thông báo đến Chủ thẻ về việc thay đổi hạn mức này.
- c) Trường hợp phát hành thẻ qua (các) Kênh đối tác liên kết, Chủ thẻ hiểu rõ và đồng ý cho BVBank được quyền cung cấp các thông tin của Chủ thẻ (bao gồm thông tin cá nhân, thông tin phát hành Thẻ, thông tin Giao dịch thẻ của Chủ thẻ, v.v...) cho Đối tác liên kết để phục vụ cho việc cung cấp giá trị gia tăng cho Chủ thẻ theo chương trình của Đối tác liên kết.

3. Phạm vi sử dụng thẻ

a) Liên kết thẻ và các giao dịch thẻ đăng ký tự động

- Đối với các giao dịch thẻ thực hiện qua các Kênh Đối tác ¹, Chủ thẻ phải hoàn tất đăng ký liên kết Thẻ và đăng ký tự động thanh toán các giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến (trong hạn mức giao dịch không cần xác nhận của Khách hàng) trên Ứng dụng Đối tác liên kết tại thời điểm phát hành thẻ. Sau khi đăng ký thành công, Chủ thẻ đồng ý rằng:
 - (i) Thẻ sẽ được tự động liên kết làm phương tiện thanh toán trên các Kênh Đối tác và tự động thanh toán cho các giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến phát sinh trong hạn mức giao dịch theo chính sách BVBank áp dụng từng thời kỳ mà không cần phải áp dụng các hình thức xác nhận giao dịch từ Chủ thẻ; và
 - (ii) BVBank được quyền chủ động ghi Nợ Thẻ của Chủ thẻ đối với các giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến phát sinh theo các yêu cầu thanh toán của Chủ thẻ thực hiện và xác nhận từ Kênh Đối tác;
- Chủ thẻ được quyền chủ động lựa chọn thực hiện xác nhận giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến hoặc tiếp tục đồng ý để BVBank chủ động thực hiện các giao dịch thẻ tại khoản 3a) này. Để thực hiện các tính năng trên, Chủ thẻ thực hiện theo hướng dẫn, thông báo của BVBank triển khai áp dụng từng thời kỳ.

b) Chủ thẻ được sử dụng Thẻ để thực hiện:

- Thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ hợp pháp; rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ được phép khác theo quy định của pháp luật Việt Nam trên Internet, tại ATM, ĐVCNT thuộc hệ thống của BVBank và thuộc mạng lưới của Tổ chức thẻ mà BVBank có liên kết, bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài.
- Chủ thẻ cũng có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua việc sử dụng các yếu tố xác thực Chủ thẻ như số PIN và/hoặc số CVV2/CVC/hình thức xác nhận giao dịch điện tử khác để thực hiện giao dịch MOTO, giao dịch thẻ trực tuyến và các giao dịch khác theo quy định của BVBank từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ để thực hiện:

- Chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước.
- Các giao dịch thanh toán dư nợ thẻ, thanh toán khoản vay, các giao dịch tiết kiệm/ tích lũy (nếu có);

¹ Chỉ áp dụng trong trường hợp Thẻ được phát hành qua kênh đối tác liên kết và có tích hợp tiện ích thanh toán thẻ

- Giao dịch thanh toán không tại đơn vị bán hàng với mục đích rút tiền mặt;
- Giao dịch liên quan đến hoạt động trò chơi có thưởng, cờ bạc, cá độ, kinh doanh ngoại hối, chứng khoán, tiền ảo, tiền điện tử; các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

d) Các tiện ích gia tăng (dịch vụ phụ trợ):

- BVBank có thể cung cấp và/hoặc liên kết với các đối tác để Chủ thẻ có thể sử dụng các tiện ích gia tăng đi kèm với Thẻ Tín dụng của Chủ thẻ. Các tiện ích này có thể bao gồm các chương trình điểm thưởng, hoàn tiền, bảo hiểm sức khỏe, các cơ chế quy đổi điểm, chuyển số dư, các chương trình chuyển khoản, sắp xếp việc thanh toán, bảo hiểm thẻ, các chương trình trả góp từ thẻ và bất kỳ dịch vụ nào khác mà BVBank thông báo đến Chủ thẻ hoặc các dịch vụ sẵn có vào từng thời điểm. Chủ thẻ có thể liên hệ với BVBank để tìm hiểu thêm các dịch vụ sẵn có.
- Nếu Chủ thẻ đăng ký các tiện ích gia tăng, Chủ thẻ chịu ràng buộc bởi các Điều kiện điều khoản và/hoặc Quy tắc, hợp đồng dịch vụ tương ứng của các tiện ích gia tăng do BVBank hoặc các đối tác trực tiếp cung cấp dịch vụ ban hành, thông báo từng thời kỳ. Nếu có bất kỳ sự mâu thuẫn giữa các quy định của các tiện ích gia tăng và Điều kiện điều khoản thẻ tín dụng thì Quy định của các tiện ích gia tăng, được ưu tiên áp dụng.
- Chủ thẻ có trách nhiệm tìm hiểu kỹ tất cả các thông tin, điều kiện, điều khoản, quy tắc đối với từng tiện ích gia tăng trước khi đăng ký. Để tìm hiểu các thông tin trên Khách hàng vui lòng truy cập vào website của BVBank và/hoặc các kênh thông tin của bên đối tác trực tiếp cung cấp dịch vụ phụ trợ theo thông báo của BVBank. Vui lòng xem Điều kiện Điều khoản của dịch vụ phụ trợ được niêm yết công khai tại website của BVBank hoặc liên hệ BVBank để biết thêm thông tin chi tiết.

Điều 4. HẠN MỨC SỬ DỤNG VÀ HẠN MỨC GIAO DỊCH THẺ

1. Hạn mức sử dụng Thẻ: là số tiền tối đa Chủ thẻ được phép sử dụng để thực hiện các giao dịch thẻ, tối đa bằng tổng Hạn mức tín dụng được cấp. Khi Chủ thẻ sử dụng vượt tổng Hạn mức thẻ được cấp, BVBank có thể áp dụng Phí vượt hạn mức theo Biểu phí hiện hành (nếu có). Khi Chủ thẻ đã sử dụng hết hạn mức sử dụng được BVBank cho phép, BVBank có quyền từ chối bất kỳ giao dịch nào và tạm dừng hoạt động của Thẻ mà không cần phải thông báo trước cho Chủ thẻ.

2. Hạn mức giao dịch:

- Hạn mức giao dịch là giá trị tối đa mỗi giao dịch và/hoặc tổng giá trị/số lần giao dịch tối đa trong một ngày, một tháng hoặc một chu kỳ giao dịch tương ứng theo từng loại giao dịch và hình thức xác nhận giao dịch phù hợp quy định pháp luật. Hạn mức giao dịch cụ thể đối với từng loại giao dịch Thẻ được BVBank quy định và công bố tại website của BVBank và các nền tảng của Đối tác liên kết. Chủ thẻ có thể đề nghị BVBank xem xét tăng/giảm hạn mức giao dịch thẻ tại bất kỳ thời điểm nào. BVBank có toàn quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tăng/giảm hạn mức giao dịch tùy từng thời điểm.
- Đối với giao dịch rút tiền mặt, BVBank quy định hạn mức giao dịch theo từng loại thẻ hoặc căn cứ trên cơ sở đánh giá rủi ro của BVBank và tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo:
 - Đối với hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài, một thẻ được rút số ngoại tệ tiền mặt tối đa tương đương 30 (ba mươi) triệu đồng Việt Nam trong một ngày; và
 - Tổng hạn mức rút tiền mặt tính theo BIN của Thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng.
- Hạn mức giao dịch đăng ký tự động thanh toán thẻ trực tuyến: theo chính sách BVBank triển khai áp dụng từng thời kỳ. Theo đó nếu trong hạn mức, BVBank được quyền tự động trích Nợ Thẻ của Khách hàng đối với các giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến phát sinh theo các yêu cầu thanh toán của Khách hàng thực hiện và xác nhận từ Kênh đối tác. Đối với các giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến vượt quá hạn mức giao dịch này, BVBank triển khai áp dụng các hình thức xác nhận giao dịch theo chính sách từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật.

Điều 5. LÃI SUẤT, CÁC LOẠI PHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI, PHÍ

- Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không huỷ ngang các quy định của BVBank về các loại phí, lãi suất và BVBank có toàn quyền ghi nợ vào Tài khoản thẻ hoặc bất kỳ tài khoản nào của Chủ thẻ mở tại BVBank mà không cần phải

thông báo, yêu cầu, xác nhận và chấp thuận của Chủ thẻ để thu các khoản phí, lãi suất theo Biểu phí được BVBank quy định và công bố công khai trên ứng dụng NHĐT của BVBank và/hoặc các nền tảng của Đối tác liên kết và/hoặc gửi thông báo qua email cho Chủ thẻ từng thời kỳ.

2. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào về Biểu phí, lãi suất áp dụng, BVBank sẽ thông báo công khai cho Chủ thẻ theo hình thức mà BVBank và/hoặc Đối tác liên kết cho là phù hợp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Biểu phí, lãi suất được thay đổi sẽ được áp dụng sau 07 ngày kể từ ngày thông báo của BVBank và/hoặc Đối tác liên kết. Chủ thẻ mặc nhiên được xem là đồng ý với Biểu phí, lãi suất này nếu vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ ngay sau khi nhận được thông báo Biểu phí /sau khi Biểu phí này có hiệu lực.

3. Các loại phí áp dụng:

- a) **Phí phát hành thẻ:** là phí ban đầu khi khách hàng đề nghị cấp Thẻ và được BVBank chấp thuận.
- b) **Phí thường niên:** là phí định kỳ duy trì Thẻ hàng năm.
- c) **Phí rút tiền mặt** là phí được tính ngay lập tức khi thực hiện giao dịch, được tính trên số tiền ghi nợ của Giao dịch rút tiền mặt. Phí này chưa bao gồm các phí được thu tại ĐVCNT hoặc tại ATM của Ngân hàng khác.
- d) **Phí xử lý giao dịch rút tiền mặt tại Ngân hàng khác:** được tính trên số tiền ghi nợ của Giao dịch rút tiền mặt khi Chủ thẻ rút tiền mặt tại Ngân hàng khác.
- e) **Phí vượt hạn mức tín dụng:** được tính trên số dư nợ vượt hạn mức tín dụng tại thời điểm chốt sao kê theo một tỷ lệ hoặc theo một mức phí cố định theo biểu phí do BVBank ban hành trong từng thời kỳ (không áp dụng thu Phí vượt hạn mức tín dụng nếu số ngày quá hạn từ 91 ngày trở lên).
- f) **Phí chậm thanh toán:** là khoản phí được thu khi Chủ thẻ không thanh toán dư nợ hoặc thanh toán dư nợ ít hơn Khoản thanh toán tối thiểu trong thời hạn thanh toán hoặc thanh toán dư nợ không đúng hạn. Phí được tính theo tỷ lệ % trên Số tiền thanh toán tối thiểu chậm thanh toán và thu một lần/mỗi kỳ sao kê (không áp dụng thu phí chậm thanh toán nếu số ngày quá hạn từ 91 ngày trở lên).
- g) **Phí thay thế thẻ:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu thay thế Thẻ trước ngày hết hạn của Thẻ.
- h) **Phí thất lạc thẻ:** được tính khi Thẻ bị thất lạc/mất cắp và Chủ thẻ thông báo cho BVBank để thực hiện khóa thẻ theo Bản Điều khoản và Điều kiện này.
- i) **Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, điện thoại, Internet:** được tính khi Chủ thẻ đặt hàng, dịch vụ và có xác nhận của BVBank khi thực hiện giao dịch thẻ.
- j) **Phí thay đổi hạn mức tín dụng:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu và được BVBank chấp thuận tăng hay giảm hạn mức tín dụng.
- k) **Phí xác nhận dư nợ thẻ tín dụng/ tình trạng thẻ / thanh lý thẻ:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu xác nhận dư nợ thẻ tín dụng/ tình trạng thẻ / thanh lý thẻ.
- l) **Phí cung cấp sao kê thẻ tín dụng:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao ngoài Bảng sao kê mà BVBank đã gửi cho Chủ thẻ hàng tháng.
- m) **Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch (HĐGD):** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu cấp bản sao HĐGD ngoài HĐGD Chủ thẻ đã nhận tại ĐVCNT.
- n) **Phí cấp lại PIN:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu cấp lại PIN mới.
- o) **Phí khiếu nại:** được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không đúng hay không chính xác giao dịch thẻ.
- p) **Phí giao dịch ngoại tệ:** áp dụng cho các giao dịch thẻ khác Việt Nam đồng, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch được ghi nợ/có vào Tài khoản thẻ. Phí này được tính gộp vào số tiền giao dịch quy đổi và được ghi nợ/có vào Tài khoản thẻ.
- q) **Phí xử lý giao dịch tại đại lý nước ngoài:** áp dụng cho các giao dịch thẻ bằng Việt Nam đồng tại các đại lý ở nước ngoài, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch được ghi nợ/có vào Tài khoản thẻ, Phí này được tính gộp vào số tiền giao dịch quy đổi và được ghi nợ/có vào tài khoản thẻ.
- r) **Phí không thực hiện giao dịch:** là các phí dịch vụ, thuế (nếu có) mà Chủ thẻ phải thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ theo quy định do Chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước mà không sử dụng dịch vụ hoặc không được bên cung cấp dịch vụ chấp nhận hủy việc sử dụng dịch vụ đó.
- s) **Phí tra cứu số dư:** được tính khi Chủ thẻ thực hiện tra cứu số dư tại ATM/CDM/CRM.. trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

t) **Các loại phí khác:** phù hợp theo quy định pháp luật được nêu cụ thể tại Biểu phí dịch vụ thẻ của BVBank.

4. Lãi suất, phương pháp tính lãi

a) Lãi suất áp dụng:

- **Lãi suất thẻ:** Là mức lãi suất trong hạn, được tính trên số dư nợ gốc trong hạn tương ứng với số ngày thực tế phát sinh và duy trì dư nợ trong hạn. Mức lãi suất áp dụng theo biểu phí, lãi suất do BVBank quy định trong từng thời kỳ.
- **Lãi suất quá hạn:** Trường hợp khoản nợ thẻ bị chuyển quá hạn, Chủ thẻ phải thanh toán lãi tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất quá hạn áp dụng theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ, không vượt quá mức tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.
- **Lãi suất chậm trả lãi:** Áp dụng đối với khoản lãi chậm trả chưa được thanh toán đúng hạn. Mức lãi suất chậm trả lãi do BVBank quy định trong từng thời kỳ, nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, và bảo đảm tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- **Lãi suất trả góp:** Là mức lãi suất áp dụng đối với các khoản dư nợ từ giao dịch thẻ đã được chuyển đổi sang hình thức trả góp. Mức lãi suất được áp dụng cụ thể theo biểu phí, lãi suất do BVBank quy định trong từng thời kỳ và thông báo cho Chủ thẻ tại thời điểm đăng ký chuyển đổi trả góp.

b) Phương pháp tính lãi thẻ tín dụng

- Lãi suất được áp dụng tính theo tỷ lệ %/năm, một năm được xác định là 365 ngày.
- Số tiền lãi của một Kỳ sao kê được tính toán như sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất áp dụng})}{365}$$

Trong đó:

- Số dư thực tế: là số dư nợ cuối mỗi ngày tính lãi, bao gồm dư nợ gốc trong hạn, quá hạn mà Chủ thẻ còn phải trả cho BVBank, phù hợp theo Hợp đồng và quy định của pháp luật (bao gồm các khoản dư nợ từ phí, giao dịch rút tiền mặt/ứng tiền linh hoạt, giao dịch thanh toán và các khoản Giá trị trả góp định kỳ mà Chủ thẻ chưa thanh toán).
- Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày phát sinh tương ứng với từng loại hình giao dịch được xác định theo quy định tại Điểm c) Khoản này.
- Lãi suất áp dụng: là mức lãi suất trong hạn, quá hạn tương ứng được quy định tại điểm a) Khoản này.

c) Nguyên tắc áp dụng tính lãi theo các loại giao dịch:

- Đối với giao dịch rút tiền mặt/ứng tiền linh hoạt: ngoài Phí rút tiền mặt, BVBank sẽ tính lãi đối với số tiền ghi nợ từ ngày Giao dịch rút tiền mặt/ứng tiền linh hoạt được thực hiện cho đến ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền ghi nợ phát sinh từ Giao dịch rút tiền mặt/ứng tiền linh hoạt. Nếu chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần số dư nợ rút tiền mặt/ ứng tiền linh hoạt trong kỳ, dư nợ còn lại (gốc, phí) sẽ tiếp tục được tính lãi theo quy định tại Điều này này cho đến khi được thanh toán hết. Việc tính lãi nêu trên không phụ thuộc vào ngày lập Bảng sao kê và ngày đến hạn thanh toán.
- Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:
 - Nếu Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số Dư nợ cuối kỳ trước 17:00 giờ của Ngày đến hạn thanh toán được thông báo trên Bảng sao kê và thỏa đồng thời một trong các trường hợp (1) Dư nợ đầu kỳ của kỳ sao kê bằng 0 hoặc dư có; hoặc (2) Chủ thẻ không thuộc trường hợp bị tính lãi ở 2 kỳ sao kê liền trước. Chủ thẻ sẽ được BVBank miễn lãi đối với tất cả các giao dịch Chủ thẻ đã thực hiện được liệt kê trong Bảng sao kê đó.
 - Nếu Chủ thẻ chỉ thanh toán một phần dư nợ hoặc thanh toán toàn bộ số Dư nợ cuối kỳ được thông báo trên Bảng sao kê không đúng theo thời hạn quy định thì: Lãi suất sẽ được áp dụng đối với tất cả các khoản tiền ghi nợ phát sinh được liệt kê trong Bảng sao kê đó và bất kỳ khoản tiền ghi nợ mới phát sinh trong Bảng sao kê liền kề sau đó (Các khoản tiền ghi nợ là các giao dịch thẻ và các khoản phí phát sinh trên tài khoản thẻ nếu có). Lãi suất được tính kể từ ngày phát sinh giao dịch cho đến và bao gồm ngày liền trước ngày Chủ thẻ thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ của giao dịch đó.

- Số tiền lãi Chủ thẻ phải trả sẽ được thông báo trên Bảng sao kê liền kề sau đó.

(i) Đối với giao dịch tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ: lãi đối với các giao dịch có tra soát của Chủ thẻ chưa thanh toán cũng được tính theo nguyên tắc của giao dịch quy định tại Điểm i) và Điểm ii) Khoản này. BVBank sẽ hoàn lãi cho Chủ thẻ đối với những giao dịch có tra soát, khiếu nại đúng.

d) Chủ thẻ đồng ý rằng, tất cả các khoản phí, phạt (nếu có) phát sinh trong quá trình Chủ thẻ sử dụng thẻ tín dụng nếu không được chủ thẻ thanh toán đúng hạn sẽ được tính vào dư nợ thẻ tín dụng, lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 6. QUẢN LÝ THẺ, PIN, MÃ CVV/CVC VÀ MÃ OTP

1. Thẻ là tài sản của BVBank vì vậy Chủ thẻ không được phép chuyển nhượng Thẻ cho người khác và phải bảo quản, cất giữ Thẻ.
2. Phương thức chuyển giao Thẻ, PIN, thông báo giữa BVBank và Chủ thẻ: BVBank có quyền chuyển Thẻ, PIN, thông báo cho Chủ thẻ bằng bất kỳ phương thức nào mà BVBank cho là phù hợp thông qua các Ứng dụng NHĐT được BVBank triển khai theo từng thời kỳ, theo thông tin, địa chỉ Chủ thẻ đã đăng ký. BVBank không chịu trách nhiệm về việc Thẻ, PIN, thông báo giữa BVBank và Chủ thẻ bị thất lạc, bị mất, bị đánh cắp hay lạm dụng trong trường hợp này.
3. Chủ thẻ khi nhận được Thẻ (Thẻ vật lý) phải ký vào mặt sau của Thẻ để bảo vệ Thẻ của mình. Khi sử dụng Thẻ để rút tiền mặt (tại các điểm rút tiền mặt) hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ, Chủ thẻ phải ký trên hóa đơn giống chữ ký này trừ những giao dịch được thực hiện bằng đơn đặt hàng qua thư, điện thoại, Internet hoặc các loại hình khác được sự chấp thuận của BVBank mà không yêu cầu có chữ ký của Chủ thẻ.
4. Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật và là người duy nhất được sử dụng Thẻ, PIN, mã CVV/CVC và/hoặc Mã OTP kể từ thời điểm BVBank cung cấp. Bất kỳ sự sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thẻ với PIN và/hoặc Mã OTP do BVBank cấp, dù là do chính Chủ thẻ thực hiện hay bất kỳ người nào khác đều được xem là do chính Chủ thẻ thực hiện.
5. Trong trường hợp Thẻ bị mất, bị đánh cắp hoặc chi tiết Thẻ đã bị sử dụng bởi một người nào khác mà không được sự ủy quyền của Chủ thẻ, Chủ thẻ hay người được ủy quyền bởi Chủ thẻ phải thông báo ngay lập tức bằng điện thoại hoặc văn bản cho BVBank. Chủ thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch thẻ đã thực hiện trước khi BVBank xác nhận việc đã xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ về việc Thẻ bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc chi tiết Thẻ bị lạm dụng, ví dụ như giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả bởi bất kỳ người nào. Trong bất kỳ trường hợp nào, Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn cho việc sử dụng Thẻ kể cả Chủ thẻ đã hành động gian lận hay do sơ suất trong việc sử dụng hay giữ an toàn Thẻ và chi tiết Thẻ. Chủ thẻ phải cung cấp ngay lập tức bất kỳ thông tin hay bằng chứng, bao gồm các thông tin về thời gian bị mất Thẻ, địa điểm bị mất Thẻ, các giao dịch thực hiện cuối cùng và các thông tin khác theo yêu cầu hợp lý của BVBank để hỗ trợ cho việc điều tra về lạm dụng Thẻ. Chủ thẻ phải thông báo cho BVBank và đề nghị cấp lại Thẻ bằng văn bản hoặc điện thoại hoặc phương thức điện tử hoặc bất kỳ phương thức nào khác được BVBank triển khai từng thời kỳ. BVBank sẽ xem xét và quyết định cấp lại Thẻ. Nếu tìm lại hoặc thu hồi được Thẻ bị mất, bị lộ PIN và/hoặc mã CVV/CVC (mà Chủ thẻ đã thông báo cho BVBank), Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ này mà phải cắt đôi Thẻ. Phí thay thế Thẻ sẽ được ghi nợ lên Tài khoản của Chủ thẻ để thanh toán phí thay thế Thẻ và chi phí có liên quan khác.
6. Nếu Thẻ bị giữ tại ATM/ĐVCNT, Chủ thẻ phải đề nghị BVBank khóa Thẻ và cấp lại thẻ.

Điều 7. BẢNG SAO KÊ THẺ, THANH TOÁN DƯ NỢ THẺ

1. Bảng sao kê thẻ

- a) Bảng sao kê sẽ được BVBank lập cố định vào một ngày hàng tháng tùy theo loại thẻ và gửi cho Chủ thẻ thông qua email mà Chủ thẻ đã đăng ký theo Hợp đồng hoặc thay đổi trong từng thời kỳ, đồng thời BVBank cung cấp Bảng sao kê trên ứng dụng NHĐT BVBank, ứng dụng Đối tác liên kết hoặc qua hình thức phù hợp khác theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ.
- b) BVBank sẽ không gửi Bảng sao kê cho chủ thẻ trong các trường hợp sau:
 - i. Dư có và không có phát sinh giao dịch trong kỳ;
 - ii. Dư nợ bằng 0 và không phát sinh giao dịch trong kỳ;
 - iii. Trường hợp khác theo quy định BVBank từng thời kỳ.

- c) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày lập Bảng sao kê, nếu Chủ thẻ không có bất kỳ thông báo nào cho BVBank thì được xem là Chủ thẻ đã nhận được Bảng sao kê và các chi tiết trên Bảng sao kê là đúng, Chủ thẻ đồng ý thanh toán toàn bộ dư nợ được ghi trên Bảng sao kê. Nếu Chủ thẻ có bất kỳ khiếu nại nào về giao dịch thể hiện trên Bảng sao kê, Chủ thẻ phải thông báo cho BVBank để được giải quyết. Việc không nhận được hay nhận trễ Bảng sao kê sẽ không loại trừ trách nhiệm thanh toán dư nợ thẻ của Chủ thẻ.

2. Thanh toán dư nợ thẻ

- a) Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả số tiền nợ được ghi trên Bảng sao kê bao gồm tất cả các giao dịch của Thẻ chính và Thẻ phụ (nếu có), lãi, phí phát sinh (nếu có) chậm nhất vào Ngày đến hạn được ghi trên Bảng sao kê hàng tháng ở mục “Thanh toán trước ngày”. Chủ thẻ có thể lựa chọn thanh toán Tổng số dư nợ thẻ, Khoản thanh toán tối thiểu hoặc một khoản tiền lớn hơn Khoản thanh toán tối thiểu cho BVBank.
- b) BVBank có quyền thay đổi thời gian yêu cầu Chủ thẻ thanh toán và sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo bất kỳ hình thức nào mà BVBank cho là phù hợp.
- c) Các giao dịch thẻ được thực hiện bằng ngoại tệ (không phải Việt Nam Đồng) sẽ được quy đổi sang Việt Nam Đồng theo một tỷ giá do tổ chức thẻ quốc tế áp dụng cộng thêm phí giao dịch ngoại tệ do BVBank quy định tùy theo từng thời điểm.
- d) Nếu hạn thanh toán của kỳ sao kê rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ tết hoặc ngày nghỉ nội bộ của BVBank thì Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán Dư nợ Thẻ vào trước 17:00 giờ Ngày làm việc liền trước Ngày đến hạn thanh toán nếu như BVBank không chỉ định một thời hạn thanh toán nào khác. Nếu thanh toán sau thời gian này, Chủ thẻ phải chịu tất cả các khoản phí và lãi phát sinh (nếu có).
- e) Việc thanh toán nợ của Chủ thẻ chỉ được xác định là thành công khi hệ thống của BVBank nhận được số tiền thanh toán và hạch toán ghi nhận vào tài khoản Thẻ của Chủ thẻ. Số tiền thanh toán nhận được sau giờ làm việc của BVBank hoặc sau thời gian hệ thống BVBank xử lý chốt sao kê mỗi tháng sẽ được tính sang ngày làm việc kế tiếp. Hạn mức tín dụng của Chủ thẻ sẽ được khôi phục bằng đúng số tiền Chủ thẻ đã thanh toán vào thời điểm BVBank ghi nhận được số tiền Chủ thẻ đã thanh toán.
- f) Chủ thẻ có trách nhiệm chủ động thực hiện thanh toán dư nợ thẻ tín dụng BVBank theo một trong các phương thức sau:
- Chuyển khoản từ tài khoản thanh toán mở tại BVBank hoặc ngân hàng khác vào Tài khoản thẻ tín dụng BVBank;
 - Nộp tiền mặt tại các điểm giao dịch BVBank;
 - Thực hiện thanh toán qua các kênh ngân hàng điện tử do BVBank cung cấp;
 - Thực hiện thanh toán tại các điểm thu hộ hoặc qua các Đối tác liên kết với BVBank;
 - Các kênh thanh toán khác do BVBank công bố theo từng thời kỳ.
- g) Thanh toán tự động:
- Chủ thẻ được quyền đăng ký, hủy đăng ký dịch vụ thanh toán tự động dư nợ thẻ tín dụng với BVBank ngay tại thời điểm đề nghị phát hành thẻ trên Ứng dụng Đối tác liên kết; hoặc đăng ký tại các điểm giao dịch của BVBank; hoặc qua kênh Ngân hàng điện tử theo thông báo, hướng dẫn của BVBank triển khai từng thời kỳ.
 - Trường hợp Chủ thẻ đăng ký thanh toán dư nợ thẻ tự động theo các hình thức do BVBank quy định, Chủ thẻ đồng ý rằng:
 - BVBank được quyền chủ động ghi Nợ, trích tiền từ Tài khoản thanh toán của Chủ thẻ đã đăng ký để thanh toán giá trị dư nợ theo tỷ lệ thanh toán tự động Chủ thẻ đã đăng ký mà không cần phải áp dụng các hình thức xác nhận giao dịch từ Chủ thẻ.
 - Tỷ lệ thanh toán tự động đăng ký là toàn bộ dư nợ hoặc Số tiền thanh toán tối thiểu nếu có tài khoản thanh toán tại BVBank hoặc tại bất kỳ tổ chức nào mà BVBank có thỏa thuận về việc ghi nợ tự động để thanh toán thẻ tín dụng. Chủ thẻ phải đảm bảo tài khoản được chỉ định để thanh toán tự động phải có đủ số dư trước ngày BVBank thực hiện thanh toán tự động. Trong trường hợp tài khoản thanh toán không đủ số dư so với chỉ tiêu thanh toán tự động đã đăng ký, BVBank sẽ thu toàn bộ số dư còn lại trên tài khoản để thanh toán dư nợ cho Thẻ, Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho các khoản dư nợ thẻ hoặc khoản dư nợ còn lại đúng thời hạn thanh toán được ghi trên Bảng sao kê và chịu tất cả các khoản phí và lãi phát sinh nếu có.

- iii. Việc thanh toán tự động cho Thẻ được BVBank thực hiện trước thời hạn thanh toán được ghi trên Bảng sao kê 01 (một) ngày. Nếu tài khoản thanh toán không đủ số dư vào ngày BVBank thực hiện thanh toán tự động, BVBank có thể hỗ trợ nhưng không có nghĩa vụ thực hiện thanh toán tự động lần thứ 02 (hai) vào ngày đến hạn thanh toán nhằm thu thêm khoản nợ còn thiếu so với chỉ tiêu Chủ thẻ đăng ký.
- iv. Trường hợp hạn thanh toán của kỳ sao kê rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ tết hoặc ngày nghỉ nội bộ của BVBank thì BVBank sẽ thực hiện thanh toán tự động vào ngày làm việc liền trước ngày nghỉ, ngày lễ 02 (hai) ngày hoặc vào một ngày làm việc được BVBank cho là phù hợp và sẽ thông báo trước cho Chủ thẻ. Nếu như BVBank chỉ định một thời hạn thanh toán khác cho kỳ sao kê đó thì ngày thực hiện thanh toán tự động cũng được thay đổi theo và BVBank sẽ thông báo trước cho Chủ thẻ.

3. Thứ tự thanh toán nợ:

- a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Dư nợ thẻ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên như sau (hoặc theo bất kỳ thứ tự nào mà BVBank cho là phù hợp):
 - (1) Các khoản phí;
 - (2) Các khoản lãi;
 - (3) Dư nợ gốc (Giao dịch rút tiền mặt/ứng tiền mặt);
 - (4) Dư nợ gốc (Giao dịch trả góp);
 - (5) Dư nợ gốc (Giao dịch thanh toán).
- b) Trường hợp Chủ thẻ không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán sau 90 ngày kể từ ngày đến hạn thì khoản tiền này sẽ được thanh toán theo thứ tự sau (hoặc theo bất kỳ thứ tự nào mà BVBank cho là phù hợp):
 - (1) Dư nợ gốc (Giao dịch rút tiền mặt);
 - (2) Dư nợ gốc (Giao dịch trả góp);
 - (3) Dư nợ gốc (Giao dịch thanh toán).
 - (4) Các khoản phí;
 - (5) Các khoản lãi;

4. Hoàn trả lại khoản tiền dư có trên Thẻ

Khoản tiền dư có trên Tài khoản thẻ (nếu có, là số tiền Chủ thẻ thanh toán nhiều hơn Dư nợ thẻ) chỉ được BVBank hoàn trả vào tài khoản thanh toán tại BVBank của Chủ thẻ khi: (i) Chủ thẻ chấm dứt sử dụng thẻ và hoàn trả đầy đủ cho BVBank toàn bộ các khoản nợ gốc và phí, chi phí khác phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ; hoặc (ii) Khi có yêu cầu của Chủ thẻ và được BVBank duyệt thuận theo quy định BVBank từng thời kỳ.

Điều 8. CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

1. Trong vòng 90 ngày kể từ Ngày đến hạn, nếu Chủ thẻ chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu thì toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm đến hạn thanh toán.
2. Sau 90 ngày kể từ Ngày đến hạn, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn giá trị thanh toán toàn bộ thì toàn bộ số dư nợ của chủ thẻ là nợ quá hạn và BVBank sẽ áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của BVBank đối với khoản nợ này.

Điều 9. TRA SOÁT, KHIẾU NẠI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG THẺ

1. Khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thẻ, Chủ thẻ có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại.
2. Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại: qua tổng đài điện thoại (có ghi âm), qua các địa điểm giao dịch của BVBank và qua các kênh điện tử theo triển khai của BVBank từng thời kỳ.
3. Yêu cầu khiếu nại, tra soát của Chủ thẻ phải được thực hiện bằng mẫu giấy đề nghị tra soát, khiếu nại do BVBank ban hành và cung cấp các hóa đơn giao dịch hay bất kỳ thông tin, chứng từ có liên quan để chứng minh nội dung khiếu nại theo yêu cầu của BVBank. Trường hợp Chủ thẻ khiếu nại, tra soát qua tổng đài điện thoại, ngoại trừ các trường hợp khiếu nại với lý do gian lận hoặc không thực hiện giao dịch thì Chủ thẻ không cần thiết phải bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại.
4. Ngân hàng giải quyết đề nghị tra soát, khiếu nại và trả lời kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ trong phạm vi thời hạn tối đa không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ.

Chủ thẻ có thể thực hiện tra cứu thông tin, tiến độ, kết quả xử lý tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại, các địa điểm giao dịch của BVBank và các kênh điện tử được BVBank triển khai từng thời kỳ.

5. Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại:

- a) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ, Ngân hàng thực hiện bồi hoàn cho Chủ thẻ theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Chủ thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn những sự kiện sau: sự hư hỏng hoặc sự cố nào xuất phát từ lỗi của hệ thống của các phương tiện thanh toán và/hoặc bất kỳ thiết bị máy móc nào của Ngân hàng, sự cố kỹ thuật từ hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng, lỗi phát sinh từ nhà cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông và/hoặc điện lực hoặc bất kỳ sự kiện nào không thuộc tầm kiểm soát của Ngân hàng và những sự kiện khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trong trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo khoản 4 Điều này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, Ngân hàng sẽ thỏa thuận với Chủ thẻ về phương án xử lý hoặc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.
- c) BVBank có quyền từ chối các khiếu nại và Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch thẻ sau:
 - i. Giao dịch của thẻ Chip/thẻ Chip VCCS/thẻ Chip Contactless phát sinh tại ATM/POS mà Chủ thẻ cho rằng bị giả mạo/gian lận.
 - ii. Các giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 10 USD hoặc tương đương tại các ĐVCNT trừ các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí.
 - iii. Các giao dịch có giá trị nhỏ hơn 25 USD hoặc tương đương tại các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí theo quy định của các Tổ chức thẻ quốc tế (ví dụ: hàng không, dịch vụ thuê xe, đi tàu biển, đi tàu hỏa, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, đại lý du lịch ...).
 - iv. Một thẻ khiếu nại vượt quá 35 giao dịch tại cùng ĐVCNT trong vòng 120 ngày.
 - v. Các giao dịch phát sinh trên Thẻ kể từ khi Chủ thẻ đăng ký/yêu cầu hạn mức giao dịch ngoài hạn mức giao dịch giới hạn của BVBank.
- d) Trường hợp Chủ thẻ ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, Chủ thẻ thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền.

Điều 10. HIỆU LỰC THẺ, GIA HẠN THẺ

1. **Thời hạn hiệu lực của Thẻ:** là thời hạn Chủ Thẻ được phép sử dụng Thẻ, tối đa 60 tháng (05 năm) kể từ tháng phát hành. Thời hạn hiệu lực của Thẻ phụ bằng với thời hạn hiệu lực còn lại của Thẻ chính.
2. **Gia hạn Thẻ:**
 - a) BVBank thực hiện gia hạn thẻ theo đề nghị hoặc sự đồng thuận của Chủ thẻ khi Thẻ hết hạn sử dụng.
 - b) Đối với các trường hợp đủ điều kiện gia hạn thẻ theo quy định từng thời kỳ, BVBank sẽ thông báo cho Chủ thẻ về việc Thẻ sắp hết hạn sử dụng theo các hình thức thông báo phù hợp. Căn cứ trên nhu cầu của Chủ thẻ và tình trạng sử dụng thẻ của Chủ thẻ, BVBank có quyền tiếp tục hoặc không tiếp tục duy trì hạn mức tín dụng thẻ đã cấp cho Chủ thẻ.
 - c) Trường hợp gia hạn thẻ, BVBank có quyền:
 - i. Thực hiện các biện pháp xác thực, xác minh lại Chủ thẻ theo quy định pháp luật trước khi gia hạn Thẻ hoặc khi kích hoạt Thẻ gia hạn trước khi cho phép Chủ thẻ sử dụng Thẻ gia hạn;
 - ii. Giữ nguyên hoặc thay đổi số Thẻ;
 - iii. Gửi Thẻ/thông tin Thẻ mới cho Chủ Thẻ theo thông tin liên lạc cuối cùng Chủ Thẻ đã đăng ký tại BVBank;
 - iv. Cập nhật thông tin Thẻ mới tại các trang thông tin điện tử, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động đã liên kết/đăng ký thông tin Thẻ cũ trước thời điểm BVBank gia hạn Thẻ.
 - d) Trường hợp Chủ Thẻ có nhu cầu gia hạn Thẻ nhưng BVBank không còn áp dụng sản phẩm Thẻ theo yêu cầu của Chủ Thẻ, BVBank được quyền chuyển đổi sang sản phẩm Thẻ khác mà BVBank áp dụng trong từng thời kỳ.

Điều 11. TẠM KHÓA, TỪ CHỐI THANH TOÁN THẺ, TẠM DỪNG GIAO DỊCH THẺ VÀ CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ

1. BVBank có quyền quyết định việc thu hồi Thẻ và/hoặc khóa thẻ ngay khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

- a) Chủ thẻ thông báo bị mất thẻ, nghi ngờ bị đánh cắp, bị lợi dụng trái phép hoặc có rủi ro bảo mật; hoặc khi nhận được đề nghị tạm khóa thẻ khác từ Chủ thẻ;
- b) Nghi ngờ rủi ro gian lận: (i) Giao dịch thẻ có dấu hiệu gian lận, bất thường hoặc không khớp với hành vi sử dụng thông thường; (ii) Giao dịch thẻ tại các vùng địa lý hoặc điểm chấp nhận có cảnh báo rủi ro cao; (iii) Thẻ bị nghi ngờ giả mạo hoặc giao dịch thẻ không phải do Chủ thẻ thực hiện; (iv) Có cảnh báo từ tổ chức thẻ, Đối tác liên kết hoặc Cơ quan chức năng;
- c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Nghi ngờ Chủ thẻ có hành vi trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho BVBank và/hoặc Chủ thẻ liên tục từ chối tiếp nhận các cuộc gọi xác nhận thông tin Chủ thẻ, xác nhận giao dịch thẻ từ BVBank;
- e) Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán dư nợ thẻ quy định tại Bản Điều khoản Điều kiện này và/hoặc vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ khác tại BVBank hoặc tại các Tổ chức tín dụng khác;
- f) Nghi ngờ thông tin định danh của Chủ thẻ là giả mạo hoặc không chính xác, cần xác minh nhận biết lại thông tin khách hàng;
- g) Trong quá trình xử lý khiếu nại, tra soát có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố; hoặc phát hiện Chủ thẻ sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch trái với quy định pháp luật;
- h) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các Bên tại Hợp đồng này;

2. BVBank có quyền quyết định việc ngừng và/hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ thẻ, ngăn chặn hoặc từ chối giao dịch thẻ trong các trường hợp:

- a) Tạm dừng giao dịch để bảo đảm an toàn, bảo mật và bảo trì hệ thống hoạt động ổn định, tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định BVBank hoặc quy định pháp luật từng thời kỳ.
- b) Giấy tờ tùy thân hết hiệu lực nhưng Chủ thẻ chưa cập nhật, bổ sung; hoặc các trường hợp Chủ thẻ chưa được thực hiện đối chiếu, xác minh lại thông tin định danh, sinh trắc học theo quy định pháp luật hoặc yêu cầu của BVBank.
- c) Chủ thẻ được BVBank cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành thẻ có Bên thứ ba bảo lãnh/bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Chủ thẻ và Bên bảo lãnh/bảo đảm vi phạm các thỏa thuận, cam kết với BVBank.
- d) Chủ thẻ chấm dứt sử dụng ứng dụng Đối tác liên kết là kênh Chủ thẻ đã đăng ký phát hành thẻ ban đầu; hoặc khi thỏa thuận hợp tác giữa BVBank và Đối tác liên kết chấm dứt/hết hiệu lực hoặc trong các trường hợp khác theo quy định tại thỏa thuận giữa BVBank và Đối tác liên kết trong từng thời kỳ.
- e) Sự thay đổi trong các chính sách, quy định của Nhà nước, của pháp luật dẫn đến việc tiếp tục, duy trì cung cấp dịch vụ thẻ cho Chủ thẻ không còn phù hợp, không còn đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- f) Trường hợp Chủ thẻ có dấu hiệu phát sinh nợ quá hạn hoặc rủi ro tín dụng khác theo đánh giá của BVBank, BVBank có quyền tạm ngừng hoặc hạn chế một số giao dịch thẻ và áp dụng giai đoạn giám sát đặc biệt trong một thời gian nhất định theo chính sách của BVBank. Việc khôi phục toàn bộ chức năng giao dịch thẻ được thực hiện sau khi Chủ thẻ hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán (nếu có) và đáp ứng điều kiện kiểm soát rủi ro theo quy định của BVBank.
- g) Các trường hợp khác theo khẩu vị rủi ro và quy định của BVBank, Tổ chức chuyển mạch thẻ và bù trừ giao dịch thẻ và quy định pháp luật từng thời kỳ.

3. Chấm dứt sử dụng thẻ:

- a) Ngoại trừ các trường hợp chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo các điều khoản khác của Bản điều khoản điều kiện này, BVBank và Chủ thẻ có quyền đơn phương chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi hai Bên đã giải quyết xong các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ tài chính của các Bên và phải thông báo cho nhau.
- b) BVBank có thể đơn phương chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và thu hồi nợ trước hạn mà không cần phải thông báo trước cho Chủ thẻ khi xảy ra các trường hợp sau:

- i. Khi Chủ thẻ vi phạm các nghĩa vụ, cam kết đối với BVBank theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện này và/hoặc các quy định của Ngân hàng, của pháp luật, của tổ chức thanh quyết toán có liên quan đến phát hành và sử dụng Thẻ.
 - ii. Các giao dịch có dấu hiệu không bình thường nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản thẻ của Chủ thẻ.
 - iii. Chủ thẻ chết, bị tuyên bố là đã chết/mất tích/bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi; hoặc Bên bảo đảm (nếu có) chết mà không có người thừa kế được Ngân hàng chấp nhận.
 - iv. Chủ thẻ và/hoặc bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp hạn mức tín dụng.
 - v. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của tổ chức thẻ.
 - vi. Chủ thẻ có một hoặc một số khoản vay và/hoặc Thẻ chuyển sang nợ quá hạn tại BVBank và/hoặc tại các tổ chức tín dụng khác và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ, toàn bộ Dư nợ của Chủ thẻ theo Hợp đồng này cũng được xem như là quá hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ. Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ.
 - vii. Trường hợp Chủ thẻ có Bên thứ ba bảo lãnh/bảo đảm để được cấp hạn mức thẻ, phát hành thẻ tín dụng hoặc có hợp tác với BVBank phát hành thẻ nhưng đã chấm dứt/ tạm ngừng hợp tác và/ hoặc xử lý tài sản bảo đảm theo quyết định của BVBank.
 - viii. Không phát sinh giao dịch trên Thẻ của Chủ thẻ trong vòng 12 tháng liên tục.
 - ix. Chủ thẻ có thể đơn phương yêu cầu BVBank chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ khi không còn nhu cầu sử dụng.
- c) Nếu việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ chính bị chấm dứt thì việc sử dụng Thẻ phụ của Chủ thẻ phụ đương nhiên chấm dứt theo. Chủ thẻ phụ không có quyền yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ chính cũng như bất cứ yêu cầu nào khác liên quan đến hiệu lực của bản Điều khoản, Điều kiện này.
- d) Sau khi việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực:
- i. Chủ thẻ vẫn phải tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch thẻ, phí và/hoặc chi phí phát sinh, các khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trước hoặc sau thời điểm chấm dứt.
 - ii. Hiệu lực của Hợp đồng sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Chủ thẻ hoàn tất mọi nghĩa vụ tài chính đối với BVBank.
 - iii. Đối với trường hợp chấm dứt sử dụng thẻ có đảm bảo: BVBank chỉ thực hiện giải tỏa tài sản đảm bảo (nếu có) khi Chủ thẻ thanh toán hết toàn bộ dư nợ phát sinh trong tài khoản Thẻ.
 - iv. Sau tối đa 75 ngày kể từ ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư chưa thanh toán đối với Tài khoản đồng thời thẻ được chấm dứt sử dụng, BVBank sẽ quyết toán và hoàn trả lại số tiền còn thừa (nếu có) vào tài khoản thanh toán của Chủ thẻ tại BVBank hoặc thông báo cho Chủ thẻ đến các điểm giao dịch của BVBank để được hoàn trả. Bất kỳ khoản dư có nào không có người nhận còn tồn tại trong tài khoản đã được chấm dứt sau 06 tháng sẽ trở thành tài sản của BVBank.
4. Khi xảy ra các trường hợp tại Khoản 1 và 2 Điều này dẫn đến BVBank phải ngừng và/hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ Thẻ và/hoặc thu hồi nợ trước hạn, các khoản dư nợ thẻ hiện tại của Chủ thẻ bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan dù chưa đến hạn thanh toán, sẽ chuyển đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm phải thanh toán ngay cho BVBank. BVBank thực hiện thông báo về thời điểm chấm dứt cung cấp dịch vụ Thẻ, thu hồi nợ trước hạn cho Chủ thẻ qua email và/hoặc các phương thức thông báo khác phù hợp được BVBank triển khai.

Điều 12. THU THẬP, XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Việc Chủ thẻ xác nhận Bản điều khoản điều kiện này cũng đồng nghĩa với việc Chủ thẻ đã được nhận thông báo, đọc hết, hiểu rõ và chấp thuận toàn bộ Bản điều khoản điều kiện bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của BVBank được đăng tải trên trang <https://bvbank.net.vn>. Theo đó Chủ thẻ:

1. Đồng ý cho phép BVBank thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân (bao gồm dữ liệu cá nhân nhạy cảm) của Chủ thẻ cho các mục đích sau:
 - a) Xác minh thông tin, đánh giá tín nhiệm của Chủ thẻ, thẩm định và phê duyệt cấp hạn mức tín dụng cho Chủ thẻ;

- b) Xác lập chữ ký điện tử của Chủ thẻ trên (các) Hợp đồng, giao dịch với BVBank;
 - c) Cung cấp sản phẩm/dịch vụ của BVBank, sản phẩm/dịch vụ BVBank hợp tác với Đối tác liên kết cho Chủ thẻ;
 - d) Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận, môi giới;
 - e) Nghiên cứu, phát triển các dịch vụ mới và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phù hợp cho Khách hàng/Chủ thẻ;
 - f) Đánh giá để cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ mà BVBank cung cấp cho Chủ thẻ;
 - g) Điều tra, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của Chủ thẻ;
 - h) Và các mục đích khác phù hợp với quy định của pháp luật;
2. Đồng ý cho BVBank thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân, và cung cấp dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ cho các tổ chức và/hoặc bên thứ ba mà BVBank tham gia, sử dụng dịch vụ để xử lý và cung cấp sản phẩm dịch vụ BVBank cho Chủ thẻ, bao gồm:
- a) Công Ty Cổ Phần Thông Tin Tín Dụng Việt Nam (PCB), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296 và/hoặc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101570013 để thẩm định, phê duyệt tín dụng. Thông tin cung cấp bao gồm nhưng không hạn chế là dữ liệu, số liệu, dữ kiện tín dụng liên quan của Chủ thẻ tại BVBank. Việc cung cấp thông tin phải đảm bảo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan. Trong trường hợp PCB, CIC (và/hoặc các tổ chức khác) bị thu hồi Giấy chứng nhận, Ngân hàng sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng và Chủ thẻ đồng ý thông tin tín dụng của Chủ thẻ được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Ngân hàng có trách nhiệm thông báo với Chủ thẻ về việc xử lý thông tin tín dụng của Chủ thẻ trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông báo về phương án xử lý thông tin tín dụng.
 - b) Các Đối tác liên kết giới thiệu sản phẩm dịch vụ BVBank đến Chủ thẻ và hỗ trợ xử lý các yêu cầu dịch vụ thẻ (nếu có) của Chủ thẻ;
 - c) Các Đối tác cung cấp chữ ký điện tử để phục vụ việc xác lập chữ ký điện tử của Chủ thẻ trên (các) Hợp đồng, giao dịch với BVBank;
 - d) Các công ty viễn thông/công ty công nghệ thông tin để cung cấp các dịch vụ qua điện thoại cho Khách hàng/Chủ thẻ; và/hoặc
 - e) Các tổ chức khác mà BVBank tham gia, sử dụng dịch vụ.
3. Đã hiểu và biết rõ rằng: (i) Thông tin tín dụng được cung cấp bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và nhạy cảm (Gọi chung là "Dữ liệu cá nhân") theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; (ii) Thông tin tín dụng gồm Dữ liệu cá nhân đó được thu thập, xử lý, và lưu trữ trong thời gian tối thiểu 05 (năm) năm nhằm mục đích tạo lập các sản phẩm thông tin tín dụng bởi các phần mềm chuyên dụng của các tổ chức cung cấp thông tin tín dụng; và (iii) Mọi sự đồng ý của Chủ thẻ tại Hợp đồng này là dựa trên cơ sở tự nguyện và hiểu biết rõ ràng về các quyền của Chủ thẻ theo các quy định pháp luật có liên quan.
4. Hiểu rõ rằng các sản phẩm/dịch vụ Chủ thẻ đang sử dụng được thực hiện theo phương thức, giao dịch điện tử BVBank triển khai áp dụng trong từng thời kỳ qua (các) Kênh đối tác liên kết, ứng dụng NHĐT của BVBank. Theo đó Chủ thẻ đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định, quy trình bảo mật thông tin, đảm bảo an toàn khi thực hiện các giao dịch theo các phương tiện điện tử. Đồng thời Chủ thẻ cũng hiểu và đồng ý rằng sẽ có những sự cố, rủi ro, thiệt hại nhất định có thể xảy ra mặc dù BVBank đã cố gắng ngăn chặn, khắc phục bao gồm không giới hạn như: tính không liên tục, bị gián đoạn, sự cố đường truyền, điện, mạng, thiết bị, vi rút, hacker tấn công, hoặc gian lận, đánh cắp thông tin, các rủi ro khác... và Chủ thẻ chấp nhận những rủi ro, thiệt hại (nếu có).

Điều 13. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CAM KẾT CỦA CHỦ THẺ

1. Quyền của Chủ thẻ:

- a) Được sử dụng Thẻ để giao dịch trong phạm vi sử dụng Thẻ được phép quy định tại Điều 3 của Bản điều khoản điều kiện này.
- b) Được quyền yêu cầu kiểm tra, giải đáp thắc mắc về các vấn đề xảy ra khi sử dụng Thẻ và chấm dứt việc sử dụng Thẻ.
- c) Được quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại về các giao dịch thẻ, sai sót, vi phạm (nếu có) phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật.
- d) Được quyền yêu cầu BVBank cung cấp thông tin về hạn mức thẻ, dư nợ thẻ, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin khác có liên quan đến Thẻ và các thông tin cần thiết khác theo quy định của BVBank.

- e) Chủ thẻ chính được thực hiện tất cả các quyền quy định tại khoản này đối với các giao dịch, dịch vụ liên quan đến Thẻ phụ. Chủ thẻ phụ chỉ được quyền thực hiện các giao dịch thẻ trong hạn mức tín dụng được cấp và yêu cầu BVBank thực hiện các thay đổi, dịch vụ liên quan đến Thẻ phụ trong phạm vi cho phép của Chủ thẻ chính và theo quy định của BVBank công bố trong từng thời kỳ.
- f) Các quyền khác theo quy định của Bản điều khoản điều kiện này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Chủ thẻ:

- a) Cung cấp đầy đủ, trung thực cho BVBank các thông tin, giấy tờ cá nhân liên quan khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, giấy tờ cá nhân đã cung cấp.
- b) Chịu trách nhiệm bảo mật và là người duy nhất được sử dụng các thông tin Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập ứng dụng NHĐT, thông tin Thẻ, mã OTP và/hoặc các yếu tố xác thực khác đã đăng ký hoặc do BVBank cung cấp. Đồng thời, phải có biện pháp hợp lý để ngăn chặn việc sử dụng trái phép các thông tin bảo mật này. Bất kỳ sự sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thẻ với các thông tin bảo mật này, dù là do chính Chủ thẻ thực hiện hay bất kỳ người nào khác thực hiện đều được xem là do chính Chủ thẻ thực hiện và Chủ thẻ phải chịu mọi trách nhiệm đối với (các) giao dịch thẻ phát sinh này.
- c) Việc đăng ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng BVBank và các giao dịch Thẻ được thực hiện bằng phương tiện điện tử Chủ thẻ nhận thức đầy đủ các rủi ro có thể gặp phải khi thực hiện giao dịch, cam kết các hoạt động diễn ra do chứng từ điện tử của mình lập khớp đúng quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra do vô tình hay cố ý để lộ chữ ký điện tử, dẫn đến bị kẻ gian lợi dụng.
- d) Trực tiếp đến địa điểm giao dịch của BVBank nhận Thẻ vật lý hoặc đề nghị BVBank gửi Thẻ, bằng đường bưu điện/chuyển phát đến địa chỉ Chủ thẻ yêu cầu; hoặc nhận thông tin Thẻ phi vật lý qua việc truy cập vào các ứng dụng NHĐT được BVBank hoặc ứng dụng Đối tác liên kết cung cấp từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý và xác nhận rằng BVBank được coi là đã hoàn thành việc giao nhận Thẻ khi Thẻ được giao tới địa chỉ mà Chủ thẻ đã đăng ký với BVBank hoặc tại thời điểm xác định khởi tạo hoàn tất Thẻ phi vật lý do Chủ thẻ yêu cầu bằng phương tiện điện tử qua các kênh đối tác hoặc các Ứng dụng NHĐT được BVBank cung cấp từng thời kỳ. Chủ thẻ cam kết chịu mọi rủi ro phát sinh do Thẻ bị thất lạc, bị lợi dụng và/hoặc các rủi ro do việc chủ thẻ không trực tiếp ký nhận hoặc người khác giả mạo chủ thẻ ký nhận Thẻ theo phương thức này. Trường hợp Chủ thẻ tự ủy quyền cho người khác nhận Thẻ hoặc đăng ký nhận Thẻ qua đường bưu điện, Chủ thẻ phải chịu mọi rủi ro có thể phát sinh, trừ trường hợp được xác định do lỗi của BVBank
- e) Trong vòng 45 ngày kể từ ngày mở Thẻ vật lý) nếu Chủ thẻ không đến BVBank nhận Thẻ hoặc đơn vị chuyển phát không thể liên lạc/giao Thẻ tối đa 02 lần mà nguyên nhân xuất phát từ chủ thẻ thì Thẻ sẽ bị hủy và Chủ thẻ sẽ chịu các chi phí phát sinh (nếu có). Các khoản phí đã thanh toán cho BVBank trước thời điểm Thẻ bị hủy sẽ không được hoàn lại với bất cứ lý do gì.
- f) Để sử dụng thẻ, Chủ thẻ cần thực hiện bước kích hoạt thẻ theo các phương thức sau: Yêu cầu kích hoạt thẻ tự động ngay tại thời điểm phát hành thẻ; Thông qua Ứng dụng NHĐT; hoặc liên hệ bất kỳ chi nhánh/phòng giao dịch của BVBank, và/hoặc các phương thức khác được triển khai từng thời kỳ. Thẻ có thể thực hiện (các) Giao dịch thẻ trực tuyến ngay sau khi Thẻ được tự động kích hoạt (theo yêu cầu Chủ thẻ nếu có). Chủ thẻ cam kết nhận thức rõ rủi ro, cam kết công nhận, chịu trách nhiệm thanh toán, không hủy ngang hay thoái thác với bất kỳ lý do nào khi thực hiện Giao dịch thẻ trực tuyến. Trường hợp phát sinh các rủi ro từ hoặc có liên quan đến Thẻ đã được kích hoạt, bao gồm nhưng không giới hạn như lộ thông tin, gian lận ... bởi bên thứ ba bất kỳ không phải lỗi của BVBank, Chủ thẻ theo đây cam kết và bảo đảm chịu mọi trách nhiệm đối với (các) giao dịch thẻ kể từ khi được kích hoạt.
- g) Thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn cho BVBank các giao dịch, phí, lãi do việc sử dụng Thẻ theo Bảng sao kê mà BVBank lập và gửi cho Chủ thẻ. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc nhận trễ sao kê, hoặc người sử dụng thẻ ký chữ ký không giống với chữ ký đã đăng ký hoặc không ký xác nhận lên hóa đơn giao dịch, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các giao dịch, phí, lãi được phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo quy định.
- h) Chịu phí và lãi suất theo biểu phí và lãi suất theo quy định của BVBank ban hành trong từng thời kỳ và được thu theo phương thức được quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.

- i) Chịu trách nhiệm thanh toán và chịu mọi tổn thất về tài chính đối với (các) giao dịch được ĐVCNT tiếp tục báo nợ trên thẻ mới được BVBank gia hạn nhưng Chủ thẻ không hủy gia hạn hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ với ĐVCNT. Tự chịu trách nhiệm trong việc giải quyết các tranh chấp (nếu có) với ĐVCNT từ mọi vấn đề liên quan đến hàng hóa, dịch vụ, giao dịch thanh toán và những vấn đề khác có liên quan trực tiếp với ĐVCNT. Bất kể có tranh chấp gì xảy ra giữa Chủ thẻ và ĐVCNT cũng không giải trừ Chủ thẻ ra khỏi nghĩa vụ trả nợ cho BVBank.
- j) Thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho BVBank (gọi điện/email/liên hệ trực tiếp/các hình thức khác) khi: (i) Có những thay đổi về thông tin Chủ thẻ đã đăng ký bao gồm thay đổi về địa chỉ và/hoặc các thông tin liên lạc, những thông tin khác mà BVBank yêu cầu trong từng thời kỳ; và/hoặc (ii) Chủ thẻ cho rằng thông tin Thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc phát hiện sai sót, nhầm lẫn hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng, bị lộ thông tin. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch đã được thực hiện trước thời điểm khoá Thẻ và BVBank nhận được thông báo của Chủ thẻ. Trường hợp không thông báo chủ thẻ sẽ chịu hoàn toàn các hậu quả pháp lý, thiệt hại (nếu có).
- k) Khi Chủ thẻ chọn đăng ký/yêu cầu hạn mức giao dịch ngoài hạn mức giao dịch giới hạn của BVBank (có thể thay đổi theo từng thời kỳ), Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm đối với các giao dịch thẻ (bao gồm cả rủi ro, tổn thất từ hoặc có liên quan đến giao dịch thẻ) và đồng ý không khiếu nại đối với tất cả các giao dịch trên thẻ kể từ ngày đăng ký/yêu cầu hạn mức giao dịch.
- l) Khi thông báo việc chấm dứt sử dụng Thẻ cho BVBank, Chủ thẻ không được sử dụng lại Thẻ đã đề nghị hủy. Chủ Thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch, phí, tiền lãi, tiền phạt và bất kỳ khoản bồi thường thiệt hại nào (nếu có) phát sinh từ việc sử dụng thẻ trước hoặc sau thời điểm chấm dứt sử dụng Thẻ.
- m) Tại Bản điều khoản điều kiện này, Chủ thẻ hiểu rằng việc được cấp hạn mức tín dụng, phát hành thẻ tín dụng của BVBank đều có sự tham gia của:
 - i. (Các) Đối tác liên kết có ký Hợp đồng/Thỏa thuận hợp tác với BVBank triển khai giới thiệu, triển khai nền tảng và cung cấp sản phẩm dịch vụ BVBank đến khách hàng;
 - ii. Tổ chức/Bên mua nợ thẻ tín dụng BVBank (nếu có);
 - iii. Bên thứ ba bảo lãnh/bảo đảm (nếu có);Trong trường hợp một hoặc các bên này vi phạm các thỏa thuận, cam kết với BVBank (bao gồm cả trường hợp đơn phương chấm dứt các hợp đồng với BVBank vì bất kể lý do gì) thì Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện rằng BVBank có toàn quyền quyết định việc điều chỉnh, ngừng và/hoặc tạm ngừng cung cấp tiện ích/dịch vụ Thẻ, ngăn chặn hoặc từ chối giao dịch thẻ, tạm khóa Thẻ và/hoặc chấm dứt sử dụng thẻ của Chủ thẻ mà không cần sự đồng ý của Chủ thẻ. Trong trường hợp này, Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán ngay cho BVBank các khoản dư nợ thẻ hiện tại của Chủ thẻ bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan dù chưa đến hạn thanh toán nếu BVBank có yêu cầu.
- n) Chủ thẻ chính chịu mọi trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch do Chủ thẻ phụ thực hiện.
- o) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện này, các quy định của pháp luật và của tổ chức thẻ hiện hành.

3. Chủ thẻ cam kết và bảo đảm các nội dung sau đây:

- a) Đồng ý cho BVBank sử dụng và cung cấp thông tin của Chủ thẻ cho các tổ chức và/hoặc bên thứ ba mà BVBank tham gia, sử dụng dịch vụ để đánh giá hành vi tiêu dùng, thẩm định, phê duyệt tín dụng và triển khai các dịch vụ cho Chủ thẻ, bao gồm việc BVBank thu thập và chuyển giao thông tin của Chủ thẻ cho Đối tác cung cấp chữ ký điện tử để phục vụ việc xác lập chữ ký điện tử của Chủ thẻ trên (các) Hợp đồng, giao dịch với BVBank; và việc BVBank cung cấp số điện thoại của Chủ thẻ cho các công ty viễn thông/công ty công nghệ thông tin để cung cấp các dịch vụ qua điện thoại cho Chủ thẻ.
- b) Đồng ý cho BVBank cung cấp thông tin Chủ thẻ, giao dịch Thẻ của Chủ thẻ cho Đối tác liên kết và/hoặc Bên thứ ba khác theo quyết định của BVBank.
- c) Đồng ý nhận tin nhắn/cuộc gọi thoại qua số điện thoại Chủ thẻ đã đăng ký với BVBank từ BVBank; và/hoặc Bên thứ ba cung cấp dịch vụ hỗ trợ xác minh thông tin và đánh giá tín nhiệm trong quá trình BVBank thực hiện phê duyệt và phát hành Thẻ cho Chủ thẻ (nếu có); và/hoặc Bên thứ ba là các công ty viễn thông/công ty công nghệ thông tin,... cung cấp dịch vụ liên quan cho BVBank.

- d) Đồng ý cho BVBank thực hiện xác nhận (Chủ thẻ không phải thực hiện thêm bước xác nhận giao dịch) đối với (i) các giao dịch thẻ trực tuyến theo chính sách, hạn mức giao dịch của BVBank áp dụng từng thời kỳ; và (ii) các giao dịch thẻ trực tuyến mà tổ chức thanh toán thẻ không yêu cầu xác nhận, đối với thẻ phát hành (phát hành mới/thay thế/gia hạn) hoặc khi chủ thẻ yêu cầu tính năng giao dịch thẻ trực tuyến qua tất cả các kênh do BVBank triển khai. Việc chủ thẻ đồng ý cho BVBank xác nhận giao dịch thẻ trực tuyến không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ và cam kết của chủ thẻ đối với các giao dịch thẻ trực tuyến được BVBank thực hiện xác nhận.
- e) Không sử dụng Thẻ vào các giao dịch thẻ hoặc các mục đích trái với quy định pháp luật. Chủ thẻ chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu sử dụng Thẻ cho những giao dịch vi phạm pháp luật và/hoặc quy định của Ngân hàng. Ngân hàng có quyền từ chối hoặc hủy bỏ đối với những giao dịch này.
- f) Thẻ đã được kích hoạt thành công (thông qua yêu cầu kích hoạt tự động khi phát hành thẻ hoặc Chủ thẻ thực hiện kích hoạt trên ứng dụng NHĐT), có thể sử dụng trước khi Chủ thẻ thực nhận thẻ nên có thể phát sinh các rủi ro từ hoặc có liên quan đến Thẻ đã được kích hoạt, bao gồm lộ thông tin, gian lận ...bởi bên thứ 3 bất kỳ, Chủ thẻ theo đây cam kết và bảo đảm chịu mọi trách nhiệm đối với (các) giao dịch thẻ kể từ khi được kích hoạt, bao gồm cả rủi ro, tổn thất từ hoặc có liên quan đến việc chủ thẻ chưa nhận được thẻ.
- g) Đồng ý rằng BVBank có toàn quyền ký kết hợp đồng mua bán nợ đối với các khoản nợ phát sinh của Chủ thẻ cho Bên thứ ba mà không cần có ý kiến chấp thuận của Chủ thẻ trong mọi trường hợp.
- h) Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho BVBank theo yêu cầu của BVBank đối với các giao dịch ghi có nhằm vào Tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhằm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Chủ thẻ đồng ý để BVBank tự động ghi nợ để thu hồi các khoản tiền này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ.
- i) Nhận thức đầy đủ và cam kết chịu rủi ro trong trường hợp các giao dịch thanh toán của Chủ thẻ bị các tổ chức nước ngoài hoặc bất kỳ quốc gia nào tịch thu, niêm phong hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch (do liên quan đến cấm vận, tội phạm, khủng bố, trái trợ khủng bố, rửa tiền, hoặc các lý do khác).
- j) Trong quá trình mở và sử dụng thẻ được phát hành bằng phương tiện điện tử thì Chủ thẻ không được thực hiện các hành vi:
- Làm, sử dụng, chuyển nhượng và lưu hành thẻ giả.
 - Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán khống tại Đơn vị chấp nhận thẻ.
 - Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ; tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ và giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật.
 - Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động trò chơi có thưởng, cờ bạc, cá độ, kinh doanh ngoại hối, chứng khoán, tiền ảo, tiền điện tử và/hoặc giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
 - Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ.
- k) Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ cùng chịu trách nhiệm liên đới và mỗi người chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này. Việc mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo Điều khoản, điều kiện này của Chủ thẻ chính vì bất kỳ lý do gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không làm giảm trừ nghĩa vụ liên đới của (các) Chủ thẻ phụ trong việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này. Trường hợp Chủ thẻ chính hoặc Chủ thẻ phụ mất khả năng thực hiện Điều khoản, điều kiện này thì (các) Chủ thẻ còn lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của tất cả các Chủ thẻ đối với BVBank
- l) Trường hợp Chủ thẻ bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi thì việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật

Điều 14. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BVBank

1. Quyền của BVBank:

- Thu thập, sử dụng và kiểm tra thông tin Chủ thẻ cung cấp để quyết định đồng ý hay từ chối cấp Thẻ.
- Được quyền cung cấp thông tin Chủ thẻ, giao dịch Thẻ và/hoặc Dư nợ thẻ của Chủ thẻ cho Đối tác thu hộ và/hoặc Bên thứ ba cung cấp dịch vụ hỗ trợ xác minh thông tin Chủ thẻ, hỗ trợ xử lý dữ liệu, hoặc hỗ trợ thu hộ, hoặc các dịch vụ khác để BVBank duy trì hoạt động dịch vụ thẻ cung cấp cho Chủ thẻ.

- c) Được quyền chủ động tăng, giảm Hạn mức tín dụng thẻ hoặc tạm ngừng giao dịch thẻ của Chủ thẻ theo đánh giá và quy định của BVBank từng thời kỳ.
- d) Được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với Chủ thẻ trong các trường hợp sau:
 - Hệ thống gặp sự cố hoặc báo lỗi và nằm ngoài khả năng của BVBank và/hoặc các vấn đề lỗi hệ thống từ Đối tác liên kết.
 - BVBank, đơn vị cung cấp hàng hóa/dịch vụ, các đơn vị trung gian thanh toán hoặc Bên thứ ba khác và/hoặc các phương tiện thanh toán của BVBank/các đơn vị này từ chối thực hiện giao dịch thẻ với bất kỳ lý do gì.
 - Xảy ra sự cố do sự kiện bất khả kháng theo quy định Bộ luật dân sự.
 - Các giao dịch thẻ được thực hiện hoặc các hậu quả xảy ra do sự gian lận, lừa đảo, giả mạo và/hoặc phá hoại.
 - Thẻ không được đảm bảo an toàn hoặc bị lộ thông tin thẻ, PIN/mã OTP/các hình thức xác nhận giao dịch Thẻ khác do lỗi và/hoặc sơ suất của Chủ thẻ và các trường hợp khác do lỗi của chủ thẻ gây ra.
 - Việc giao hàng hoặc chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán thông qua giao dịch thẻ.
- e) Quyết định thay đổi số thẻ và/hoặc ngày hết hạn khi phát hành lại Thẻ mới hoặc thay thế thẻ cho Chủ thẻ. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm thông báo sự thay đổi này cho bất kỳ bên nào mà Chủ thẻ có thể thực hiện thanh toán giao dịch. BVBank sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ giao dịch bị từ chối, dù là số Thẻ cũ hay trường hợp khác.
- f) Ghi có và/hoặc ghi nợ trên Tài khoản liên quan đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ theo Bản Điều khoản và Điều kiện này và/hoặc vì bất cứ lý do gì nhằm điều chỉnh/khắc phục sai sót (nếu có) mà không cần thông báo trước và bất kể sự đồng ý của Chủ thẻ.
- g) Phong tỏa số tiền trên Tài khoản hoặc tạm hoãn ghi có tiền vào Tài khoản khi có dấu hiệu không bình thường hoặc nghi ngờ giao dịch ghi có bị sai sót, không hợp lệ nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản của Chủ thẻ.
- h) Khi đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải trả, BVBank được toàn quyền áp dụng các biện pháp bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp sau để thu nợ:
 - Thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa: gửi tin nhắn, thư, gọi điện thoại
 - Tự động trích thu hoặc yêu cầu trích thu trên các tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán và/hoặc tài sản khác của Chủ thẻ tại BVBank hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thu nợ mà không cần thông báo hay có sự chấp thuận trước của Chủ thẻ.
 - Ký kết, xác lập các hợp đồng/thỏa thuận mua bán nợ đối với các khoản nợ thẻ quá hạn của Chủ thẻ cho bên thứ ba phù hợp với quy định về hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng nhà nước mà không cần có bất kỳ thông báo trước và/hoặc ý kiến chấp thuận của Chủ thẻ trong mọi trường hợp.
- i) BVBank hoàn toàn không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đến danh dự, uy tín của Chủ thẻ phát sinh từ việc chấm dứt sử dụng Thẻ.
- j) Các quyền khác theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện này, các quy định của pháp luật và của tổ chức thẻ hiện hành.

2. Nghĩa vụ của BVBank:

- a) Tuân thủ các quy định về phát hành và thanh toán thẻ tín dụng, bảo đảm quyền lợi của Chủ thẻ theo quy định.
- b) Thẩm định và cấp hạn mức tín dụng đối với Chủ thẻ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.
- c) Định kỳ hàng tháng, lập bảng sao kê giao dịch gửi Chủ thẻ theo đúng phương thức đã thỏa thuận với Chủ thẻ.
- d) Giải quyết các yêu cầu, tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định của Tổ chức thẻ Quốc tế.
- e) Giải quyết các khiếu nại, thắc mắc từ phía Chủ thẻ khi có các lỗi phát sinh từ phía BVBank.
- f) Thông báo cho Chủ thẻ bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác mà BVBank cho là phù hợp về việc thay đổi các quy định, điều kiện, điều khoản, lãi suất, các loại phí hoặc các thay đổi khác liên quan đến việc sử dụng thẻ của Chủ thẻ. Mọi sự thay đổi, bổ sung có hiệu lực vào ngày được ghi trong thông báo hoặc ngày gửi thông báo. Nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ, BVBank xem như Chủ thẻ chấp nhận tuân thủ nội dung đã sửa đổi, bổ sung.

- g) Bảo mật các thông tin liên quan đến Chủ thẻ, Bên bảo đảm (nếu có) hoặc các bên khác có liên quan trừ trường hợp phải cung cấp nhằm phục vụ cho công tác tra soát có liên quan đến bên thứ ba hoặc cung cấp theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quyết định của BVBank, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định Pháp luật.
- h) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện này, các quy định của pháp luật và của tổ chức thẻ hiện hành.

Điều 15. Vi phạm hợp đồng

- 1. BVBank sẽ xem như Chủ thẻ đã vi phạm Hợp Đồng trong trường hợp Chủ thẻ không thanh toán ít nhất Khoản thanh toán tối thiểu cho đến kỳ phát hành Bảng sao kê tiếp theo. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một Tài khoản tại BVBank thì việc vi phạm ở một Tài khoản sẽ được xem như vi phạm ở tất cả các Tài khoản khác.

Chủ thẻ ủy quyền và cho phép BVBank có quyền trích tiền từ tất cả các tài khoản của Chủ thẻ mở tại BVBank hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thanh toán cho dư nợ thẻ mà không cần có sự đồng ý trước của Chủ thẻ.

- 2. Khi việc vi phạm Hợp đồng xảy ra, BVBank có toàn quyền quyết định:
 - a) Chấm dứt việc sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu toàn bộ nợ;
 - b) Giảm hạn mức tín dụng của Thẻ;
 - c) Từ chối các giao dịch;
 - d) Đồng ý hay từ chối cấp Thẻ cho Chủ thẻ cho dù Chủ thẻ có đáp ứng đủ điều kiện cấp Thẻ của BVBank bao gồm việc cấp mới, phát hành lại, thay thế hoặc gia hạn Thẻ;
 - e) Tiến hành áp dụng một hoặc nhiều biện pháp thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ;
 - f) Được Chủ thẻ ủy quyền thay mặt Chủ thẻ để ký bất kỳ/tất cả các tài liệu và thực hiện bất kỳ/tất cả các hành động cần thiết để thu nợ Chủ thẻ;
 - g) Đưa tên Chủ thẻ vào danh sách các Chủ thẻ vi phạm (hoặc các loại danh sách tương tự) của BVBank, của bất cứ cơ quan nhà nước hoặc tổ chức nào khác theo quyền quyết định của BVBank;
 - h) Có quyền ưu tiên so với các chủ nợ khác trong việc, theo thủ tục hợp pháp, truy đòi bất kỳ khoản nợ bằng việc giữ lại bất kỳ số tiền hoặc bất kỳ tài sản được giữ bởi BVBank;
 - i) Chủ thẻ đồng ý cho BVBank được quyền trích nợ từ tài khoản đăng ký, các tài khoản tiền gửi khác của Chủ thẻ mở tại BVBank, sổ tiết kiệm của Chủ thẻ để thu nợ theo các phương thức được BVBank lựa chọn mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ phía Chủ thẻ. Trong trường hợp xử lý sổ tiết kiệm là tài sản đảm bảo của Chủ thẻ hoặc trích nợ từ tiền gửi tiết kiệm của Chủ thẻ để thanh toán dư nợ, BVBank được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước thời hạn gửi tiền của Chủ thẻ;
 - j) Chủ thẻ đồng ý cho BVBank được quyền thu nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác hoặc xử lý các tài sản đảm bảo đối với thẻ có tài sản đảm bảo theo các thỏa thuận với BVBank, hoặc áp dụng các biện pháp xử lý đối với bất kỳ tài sản khác (không phải tài sản đảm bảo) của Chủ thẻ để thu hồi nợ như : thu giữ tài sản, phát mãi tài sản, nhận chính tài sản để cầm trả nợ hoặc các biện pháp khác mà BVBank được phép thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ.
 - k) Trong trường hợp BVBank đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn chưa đủ để thu hồi hết nợ, Chủ thẻ vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho BVBank toàn bộ dư nợ còn lại, phát sinh cho đến khi BVBank thu hồi hết dư nợ thẻ.

Điều 16. THÔNG BÁO

- 1. Chủ thẻ cam kết địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú, số điện thoại và/hoặc email (gọi chung là “Thông tin liên lạc”) theo Hợp đồng là thông tin liên lạc hiện nay của Chủ thẻ. Đây là các thông tin liên lạc mà BVBank có thể gửi tất cả các thông báo, Bảng sao kê giao dịch hàng tháng và chương trình khuyến mại đến cho Chủ thẻ trong quá trình Bản Điều khoản và Điều kiện này có hiệu lực và cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Chủ thẻ thực hiện nghĩa vụ của mình với BVBank.
- 2. Tất cả các thông báo của BVBank gửi đến cho Chủ thẻ sẽ được BVBank công bố trên website: <https://bvbank.net.vn> hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc qua các Ứng dụng NHDT mà BVBank triển khai trong từng thời kỳ hoặc được BVBank niêm yết tại các điểm giao dịch trực thuộc BVBank.

3. Chủ thẻ được xem là đã nhận được thông báo, tài liệu của BVBank trong các trường hợp sau:
- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày gửi (tính theo dấu bưu điện) nếu được gửi bằng thư; hoặc
 - Vào ngày gửi đi nếu gửi bằng fax, Thư điện tử (email), số điện thoại mà Chủ thẻ đăng ký với BVBank; hoặc
 - Vào ngày công bố trên website nêu tại khoản 1 Điều này hoặc ngày BVBank niêm yết tại các điểm giao dịch trực thuộc BVBank hoặc BVBank gửi thông báo qua Ứng dụng NHĐT và/hoặc các ứng dụng khác được triển khai trong từng thời kỳ.

Điều 17. QUY ĐỊNH KHÁC

- Sửa đổi, bổ sung Bản điều khoản điều kiện này: BVBank được phép thay thế, sửa đổi, bổ sung Bản điều khoản điều kiện này và thông báo cho Chủ thẻ theo các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ của Chủ thẻ đã cung cấp cho BVBank và/hoặc công bố trên trang <https://bvbank.net.vn> hoặc niêm yết tại các địa điểm giao dịch của BVBank trước khi áp dụng. Các nội dung được thay thế, sửa đổi, bổ sung có giá trị nếu Chủ thẻ vẫn tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi sự thay thế, sửa đổi, bổ sung nêu trên có hiệu lực trừ khi Chủ thẻ phản đối bằng cách liên hệ BVBank để biểu lộ ý định chấm dứt việc sử dụng Thẻ tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.
- Trao đổi bằng điện thoại: Chủ thẻ đồng ý bằng hình thức gọi điện thoại hoặc chấp nhận cuộc điện thoại từ BVBank hoặc Bên thứ ba được BVBank ủy quyền, BVBank hoặc Bên thứ ba được BVBank ủy quyền có thể ghi âm lại cuộc gọi và sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn cho những mục đích như nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho Chủ thẻ, làm chứng cứ trong quá trình giải quyết tranh chấp hoặc trong quá trình tiến hành các thủ tục hành chính, tố tụng (nếu có).
- Chuyển nhượng: Chủ thẻ không được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Chủ thẻ theo Hợp đồng cho bất kỳ Bên thứ ba nào. BVBank có quyền chuyển nhượng hay chuyển giao bằng hình thức khác toàn bộ hay một phần quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng với bên thứ ba bằng việc thông báo trước cho Chủ thẻ. Chủ thẻ sẽ thực hiện bất kỳ hành động nào hay chấp nhận tài liệu nào khi BVBank hướng dẫn để tác động đến việc chuyển nhượng và chuyển giao được quy định tại điều này.
- Chủ thẻ thừa nhận và đồng ý với các phương thức thông báo, giải pháp bảo mật do BVBank cung cấp từng thời kỳ.
- Chủ thẻ cam kết thực hiện theo các yêu cầu, thông báo của BVBank, theo quy định pháp luật.
- Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp:
 - Bản Điều khoản và Điều kiện này được điều chỉnh theo quy định pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng này và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung/Phụ lục hợp đồng sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC) hoặc Trung tâm Trọng tài Thương nhân Việt Nam (VTA) hoặc Trung tâm trọng tài thương mại khác hoặc tại Tòa án có thẩm quyền tùy theo sự lựa chọn của BVBank.
 - Trường hợp BVBank lựa chọn Trung tâm trọng tài giải quyết tranh chấp, các bên thỏa thuận:
 - Trung tâm trọng tài cụ thể và địa điểm giải quyết tranh chấp: theo sự lựa chọn của BVBank.
 - Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp tuân theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài được BVBank lựa chọn. Việc giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài sẽ được thực hiện theo thủ tục thông thường hoặc thủ tục rút gọn quy định tại Quy tắc tố tụng của Trung tâm Trọng tài đó theo sự lựa chọn của BVBank.
 - Số lượng trọng tài viên: 01 Trọng tài viên duy nhất do Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định.
 - Ngôn ngữ sử dụng giải quyết tranh chấp là tiếng Việt, luật áp dụng giải quyết tranh chấp là pháp luật Việt Nam
 - Trường hợp Chủ thẻ và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, tạm trú, nơi cư trú mới mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới, Chủ Thẻ và/hoặc Bên bảo đảm được xem là giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại hợp đồng này là nơi cư trú cuối cùng của Chủ thẻ và/hoặc Bên bảo đảm, BVBank được quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hoặc Trung tâm trọng tài thương mại xét xử, giải quyết vắng mặt. Chủ Thẻ và/hoặc Bên bảo đảm chấp nhận việc Tòa án hoặc Trung tâm trọng tài xét xử giải quyết vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Chủ thẻ và/hoặc Bên bảo đảm.

- d) Trường hợp Tòa án hoặc Trung tâm trọng tài buộc Chủ thẻ và/hoặc Bên bảo đảm phải trả nợ, Chủ thẻ và/hoặc Bên bảo đảm phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí phát sinh của BVBank trong quá trình khởi kiện bao gồm: chi phí đi lại, phí luật sư (trường hợp thuê luật sư).
7. Giới hạn trách nhiệm: Bất kỳ kiện tụng nào phát sinh từ Hợp đồng hoặc bất kỳ hành động nào có liên quan đến mà Chủ thẻ hay bất kỳ bên nào đại diện cho Chủ thẻ có thể thực hiện khởi kiện chống lại BVBank, trách nhiệm của BVBank sẽ không vượt quá số tiền 350.000 VND (ba trăm năm mươi ngàn đồng) hay ít hơn tùy theo tổn thất được chứng minh thực tế.
8. Sự riêng biệt: Nếu có bất kỳ điều khoản, điều kiện hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Bản Điều khoản và Điều kiện này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không buộc thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì những điều đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện khác, một phần hoặc tất cả các khoản mục của Bản Điều khoản và Điều kiện này.
9. Thẻ có bảo đảm: BVBank có thể thỏa thuận với Chủ thẻ biện pháp bảo đảm việc thanh toán đối với các nghĩa vụ Chủ thẻ theo Hợp đồng. Nếu Thẻ kèm theo biện pháp bảo đảm được phát hành bởi BVBank thì phương thức bảo đảm do BVBank quy định sẽ được lập thành văn bản và/hoặc theo phương thức điện tử do BVBank triển khai từng thời kỳ. Theo đó thỏa thuận này trở thành một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng. Việc Chủ thẻ bị chấm dứt cấp tín dụng tại BVBank vì bất cứ lí do gì có thể dẫn đến việc chấm dứt sử dụng Thẻ và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm theo quyết định của BVBank.
10. Chỉ thị của Chủ thẻ
- a) Chủ thẻ ủy quyền cho BVBank thực hiện các công việc mà BVBank cho rằng phù hợp dựa trên chỉ thị của Chủ thẻ cho BVBank. Chỉ thị của Chủ thẻ có thể được thông báo hay trao đổi với BVBank trong từng thời điểm thông qua thư, điện thoại, fax đã đăng ký với BVBank.
- b) BVBank có quyền yêu cầu những chỉ thị này của Chủ thẻ phải được gửi theo một mẫu cụ thể hoặc những chỉ thị này phải được xác nhận bằng văn bản hoặc dưới hình thức khác trước khi BVBank thực hiện công việc dựa trên những chỉ thị này. BVBank có quyền xử lý chỉ thị của Chủ thẻ như được ủy quyền hoàn toàn. Chủ thẻ bị ràng buộc trách nhiệm đối với việc thực hiện các bước liên quan đến chỉ thị này. BVBank sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của việc thực hiện hay tuân theo các chỉ thị của Chủ thẻ.
- c) BVBank có quyền nhưng không có nghĩa vụ xác định người cung cấp chính xác các thông tin của Chủ thẻ đã đăng ký với BVBank là Chủ thẻ. Việc xác định Chủ thẻ bằng cách kiểm tra các thông tin Chủ thẻ đã đăng ký có thể được BVBank thực hiện qua điện thoại hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý.
11. Ngôn ngữ: ngôn ngữ chính được sử dụng trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản, tài liệu liên quan giữa BVBank và Chủ thẻ là tiếng Việt. Nếu có bên nước ngoài tham gia, các Bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị áp dụng.